TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-5-2023
V/v: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Phương

2. Ông Hoài Đức Huệ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **H T N**, sinh năm 1961

- Bị đơn: Ông **N V Đ**, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp PM, xã PH, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8/2/2023, bản tự khai ngày 18/4/2023 nguyên đơn bà H T N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N V Đ tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc

nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm không thể tìm được tiếng nói chung, không còn thông cảm quan tâm lẫn nhau. Nay tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông N V Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh Thi, sinh ngày 19/09/1995 và Nguyễn Cao Trí, sinh ngày 25/9/2002. Do cháu Thi và cháu Trí đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà N xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định.

***** *Theo bản tự khai ngày 28/4/2023 bị đơn ông N V Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H T N yêu thương, chung sống vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Đôi lúc có xích mích vợ chồng có lời qua tiếng lại. Ông và bà N đã ly thân được 02 năm nay. Tại tòa, bà N làm đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng, ông không đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh Thi, sinh ngày 19/09/1995 và Nguyễn Cao Trí, sinh ngày 25/9/2002. Do cháu Thi và cháu Trí đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin được vắng mặt tại Tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H T N, tuyên bố "Không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa bà H T N và ông N V Đ.

Về con chung: Bà N và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh Thi, sinh ngày 19/09/1995 và Nguyễn Cao Trí, sinh ngày 25/9/2002. Do cháu Thi và cháu Trí đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu không công nhận bà và ông N V Đ là vợ chồng, hiện bà N và ông N V Đ đều cư trú tại tại huyện Nhơn Trạch, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà H T N, bị đơn ông N V Đ vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông Đ.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Đ là hôn nhân tự nguyện nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình Việt N năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H T N thì thấy: tại hồ sơ bà H T N yêu cầu xét xử không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Tại hồ sơ ông Đ thừa nhận việc ông bà chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy bà N và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng từ năm 1993 không có tiến hành đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương đã vi phạm Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình Việt N năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông Đ khai có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh Thi, sinh ngày 19/09/1995 và Nguyễn Cao Trí, sinh ngày 25/9/2002. Do cháu Thi và cháu Trí đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H T N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Khoản 1 điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH; Nghị quyết 326/2016/NQ.HĐTP ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" của nguyên đơn bà H T N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H T N và ông N V Đ.

[2] Về con chung: Bà N và ông Đ khai có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh Thi, sinh ngày 19/09/1995 và Nguyễn Cao Trí, sinh ngày 25/9/2002. Do cháu Thi và cháu Trí đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Đ khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do bà H T N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên Tòa án không xử lý tiền tạm ứng án phí.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS,THA huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Hội;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

Đặng Đình Hiền